

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009



CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	11

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Đăng ký lần đầu số 4703000375 ngày 6 tháng 4 năm 2007. Đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 3600252847 ngày 16 tháng 12 năm 2009. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.	
Hội đồng Quản Trị	Ông Trần Bá Dương Ông Nguyễn Hùng Minh Bà Viên Diệu Hoa Ông Lương Đình Quang Ông Cheah Kim Teck.	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành Viên Thành Viên Thành Viên
Ban Giám đốc	Ông Trần Bá Dương Ông Nguyễn Hùng Minh Ông Thái Duy Hùng	Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Trần Bá Dương	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Số 19, Đường 2A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của niên độ kết thúc vào ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- Thực hiện các phân đoạn và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 41. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của niên độ kết thúc ở ngày đó phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Bá Dương
Tổng Giám đốc

TP. Biên Hòa, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 8 tháng 4 năm 2010

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") được Ban Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 8 tháng 4 năm 2010. Các báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

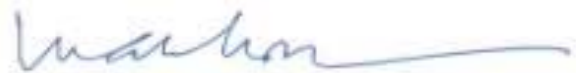
Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các dòng lưu chuyển tiền tệ trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.



Lên S. Lydali
Số chứng chỉ KTV: N 0559/KTV
Tổng Giám đốc



Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM2508
Ngày 8 tháng 4 năm 2010

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã Số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
100	Tài sản ngắn hạn		3.717.406.360	1.900.416.217
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	350.094.952	67.588.388
111	Tiền		262.705.190	66.096.388
112	Các khoản tương đương tiền		87.389.762	10.592.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4(a)	17.883.547	19.600.000
121	Đầu tư ngắn hạn		17.883.547	19.600.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.071.910.826	531.222.551
131	Phải thu của khách hàng	5	710.059.805	342.863.795
132	Trả trước cho người bán	6	303.714.258	136.082.368
135	Các khoản phải thu khác	7	62.186.377	53.662.489
139	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(4.049.614)	(1.386.081)
140	Hàng tồn kho	8	2.071.852.942	1.230.972.461
141	Hàng tồn kho		2.103.028.855	1.266.715.622
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(31.175.913)	(25.743.061)
150	Tài sản ngắn hạn khác		205.664.093	51.032.817
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		9.256.152	5.631.680
152	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		90.412.220	19.832.683
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.628.950	7.413.638
156	Tài sản ngắn hạn khác	9	104.366.771	18.154.916

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 41 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã Số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		2.826.699.422	2.109.820.525
220	Tài sản cố định		2.186.912.880	1.722.898.372
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	1.008.768.284	1.008.603.549
222	Nguyên giá		1.320.687.115	1.185.114.862
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(311.918.831)	(176.511.313)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	677.504.511	417.954.897
228	Nguyên giá		686.114.529	422.885.276
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.610.018)	(4.930.379)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10(c)	500.640.085	296.339.926
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	324.294.026	333.176.903
252	Đầu tư vào công ty liên doanh		5.335.951	1.084.593
258	Đầu tư dài hạn khác		352.196.528	344.837.768
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(33.238.453)	(12.745.458)
260	Tài sản dài hạn khác		315.492.516	53.745.250
261	Chi phí trả trước dài hạn	11	281.402.650	24.201.044
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19	1.875.558	
268	Tài sản dài hạn khác		1.256.127	1.179.699
269	Lợi thế thương mại	12	30.958.181	28.364.507
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.544.105.782	4.010.236.742

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 41 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
300	NỢ PHẢI TRẢ		2.778.050.504	1.330.868.110
310	Nợ ngắn hạn		2.584.773.338	1.260.602.593
311	Vay và nợ ngắn hạn	13(a)	1.464.056.580	936.180.100
312	Phải trả cho người bán	14	204.349.423	194.224.106
313	Người mua trả tiền trước		9.802.051	4.993.042
314	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	16	812.821.082	56.969.420
315	Phải trả người lao động		21.018.279	2.919.932
316	Chi phí phải trả	17	20.995.048	21.385.668
319	Các khoản phải trả khác	18	26.344.863	39.088.141
320	Dự phòng phải trả ngắn hạn	15	25.386.003	4.842.184
330	Nợ dài hạn		193.277.165	70.265.517
333	Phải trả dài hạn khác		-	71.527
334	Vay và nợ dài hạn	13(b)	189.229.371	69.304.718
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		4.047.794	889.272
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.704.304.637	2.629.685.793
410	Vốn chủ sở hữu		3.652.902.273	2.611.769.248
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20	2.000.000.000	940.395.610
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	963.635.894	1.482.235.836
416	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	21	3.488.070	-
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21	685.778.309	189.137.802
430	Nguồn kinh phí, quỹ khác		51.402.364	17.916.545
431	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	51.402.364	17.916.545
439	LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIẾU SỐ		61.750.641	49.682.839
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.544.105.782	4.010.236.742

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 4.109.659 đô la Mỹ (2008: 72.753 đô la Mỹ).


 Nguyễn Quốc Tuấn
 Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
 Tổng Giám đốc
 Ngày 8 tháng 4 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 41 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12	
			2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
01	Doanh thu bán hàng		6.955.597.198	4.087.777.960
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(361.584.208)	(78.691.733)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	25(a)	6.594.012.990	4.009.086.227
11	Giá vốn hàng bán	26	(5.288.338.037)	(3.337.558.611)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng		1.305.674.953	671.527.616
21	Doanh thu hoạt động tài chính	25(b)	17.014.791	18.354.548
22	Chi phí tài chính	27	(145.592.124)	(217.181.437)
24	Chi phí bán hàng	28	(283.757.435)	(151.300.240)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(155.218.467)	(104.444.781)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		758.121.718	216.955.706
40	Lợi nhuận khác	30	6.052.177	9.227.223
45	Phần lãi/(lỗ) được chia từ công ty liên doanh		1.233.590	(273.809)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		765.407.485	225.909.120
51	Chi phí thuế TNDN - hiện hành	31	(24.134.409)	(9.449.147)
52	Chi phí thuế TNDN - hoãn lại	19, 31	1.875.558	-
60	Lợi nhuận sau thuế		743.148.634	216.459.973
61	Lợi ích cổ đông thiểu số		(19.945.213)	(8.111.308)
62	Lãi thuần sau thuế		723.203.421	208.348.665
	Lãi trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)		7,583	2,580


 Nguyễn Quốc Tuấn
 Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
 Tổng Giám đốc
 Ngày 8 tháng 4 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 41 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12	
			2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		765.407.485	225.909.120
02	Điều chỉnh cho các khoản: Khấu hao tài sản cố định	10(a), 10(b), 12	158.202.346	81.891.453
03	Các khoản dự phòng		28.589.380	39.874.600
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	22.467.564
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.350.104)	(7.582.027)
06	Chi phí lãi vay	27	60.681.684	125.253.156
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		1.000.530.791	487.833.866
09	Tăng các khoản phải thu		(546.557.768)	(177.129.186)
10	Tăng hàng tồn kho		(858.579.247)	(375.364.172)
11	Tăng các khoản phải trả		754.759.176	12.670.236
12	(Tăng)/giảm các chi phí trả trước		(237.031.448)	10.385.056
13	Tiền lãi vay đã trả		(59.732.271)	(135.175.425)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.207.042)	(13.019.685)
15	Các khoản thu khác từ hoạt động kinh doanh		13.045.034	107.344
16	Các khoản chi khác từ hoạt động kinh doanh		(7.197.973)	(7.785.937)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		47.029.252	(197.517.903)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(771.282.759)	(771.314.646)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		-	274.273
23	Tiền chi cho vay các đơn vị khác		(283.828.094)	(21.200.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		285.944.888	1.600.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10.430.738)	(113.506.504)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.170.723	20.239.682
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(768.525.980)	(883.906.995)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	21	541.004.448	1.307.423.720
33	Tiền vay nhận được		6.053.244.366	2.952.899.039
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.397.375.042)	(3.124.859.125)
36	Cổ tức đã trả	22	(190.052.040)	(106.858.494)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		1.006.821.732	1.028.605.140
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		285.325.004	(52.819.758)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	67.588.388	120.402.545
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ		(2.818.440)	5.601
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	350.094.952	67.588.388

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Các nghiệp vụ quan trọng không sử dụng tiền mặt trong năm-2009 bao gồm:

	1.000 đồng
Chuyển thẳng dư vốn cổ phần sang tăng vốn điều lệ (Thuyết minh số 21)	<u>1.000.000.000</u>



Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Tiên Bá Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 4 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 41 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600252847 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 12 năm 2009. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành số 3600252847, ngày 16 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có 24 công ty con sau:

Stt	Tên giao dịch	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu
1	Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ô tô Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất ô tô	91,32%
2	Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải - KIA	Sản xuất ô tô	100,00%
3	Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Khu Công Nghiệp và Đô Thị Chu Lai Trường Hải	Hạ tầng KCN	100,00%
4	Công Ty TNHH MTV Vận Tải - Giao Nhận - Phân Phối Ô tô Chu Lai Trường Hải	Phân phối ô tô	100,00%
5	Công Ty TNHH MTV Cơ Khí Chuyên Dụng Bắc Bộ Trường Hải	Sản xuất cơ khí	100,00%
6	Công Ty TNHH Vận Tải Biển Chu Lai - Trường Hải	Dịch vụ vận tải biển	100,00%
7	Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ô tô An Thành Phát	Sản xuất xe ô tô	100,00%
8	Công Ty TNHH Sản Xuất Khung Gầm - Trung Xe Chu Lai Trường Hải	Sản xuất cơ khí	100,00%
9	Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Ô tô Chuyên Dụng Trường Hải	Sản xuất cơ khí	100,00%
10	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Sản Xuất Dệt Bông	Kinh doanh thương mại	100,00%
11	Công Ty TNHH MTV Sản Xuất và Kinh Doanh Thép Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất - Kinh doanh thép	100,00%
12	Công Ty TNHH MTV Phụ Tùng Trường Hải	Kinh doanh phụ tùng ô tô	100,00%
13	Công Ty TNHH Thái Nguyên Trường Hải	Kinh doanh ô tô	54,34%
14	Công Ty TNHH Vũng Tàu Trường Hải	Kinh doanh ô tô	51,00%
15	Công Ty TNHH Thương Mại Vô Xe Triều Hải	Kinh doanh thương mại	75,00%
16	Công Ty TNHH MTV Cơ Thuận Phát	Kinh doanh ô tô	100,00%
17	Công Ty TNHH MTV Sản Xuất và Lắp Ráp Ghế Ô tô Việt - C.N.A	Sản xuất cơ khí	100,00%
18	Công Ty TNHH MTV Vĩnh Cát	Kinh doanh ô tô	100,00%
19	Công Ty TNHH MTV Hóa Chất Chuyên Dụng Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất keo	100,00%
20	Công Ty TNHH Trường Hải Đào Dương	Kinh doanh ô tô	51,00%
21	Công Ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Tây Ninh - Trường Hải	Kinh doanh ô tô	100,00%
22	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Trường Hải - Bình Phước	Kinh doanh vận tải	100,00%
23	Công Ty TNHH MTV Xây Dựng Chu Lai - Trường Hải (*)	Xây dựng	100,00%
24	Công Ty TNHH MTV Sản Xuất và Lắp Ráp Điện Lạnh Trường Hải (*)	Sản xuất cơ khí	100,00%

(*) Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty chưa góp vốn vào các công ty này.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp ô tô tải, ô tô khách;
- Sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt dây chuyền sản xuất công nghiệp;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Mua bán xe ô tô và xe có động cơ(cũ và mới);
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe có động cơ;
- Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ;
- Mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích, máy đào đất, giàn giáo di động, thiết bị đốn gỗ và cần cẩu trong xây dựng;
- Đại lý môi giới đầu giá
- Vận tải ven biển và viễn dương;
- Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Kinh doanh trung tâm thương mại, khách sạn, nhà hàng ăn uống.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có 4.473 nhân viên (2008: 2.393 nhân viên).

2 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất**

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn thảo dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thống lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Hợp nhất báo cáo***Công ty con***

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần nhỏ hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian mười năm.

2.2 Hợp nhất báo cáo (tiếp theo)***Công ty con (tiếp theo)***

Đối với việc hợp nhất kinh doanh liên quan tới các doanh nghiệp cũng dưới một sự kiểm soát chung, các tài sản đem trao đổi và các khoản nợ phải trả hoặc đã nợ tiềm tàng đã thừa nhận được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi, không tính đến phạm vi quyền lợi cổ đông thiểu số. Chênh lệch giữa số tiền đã trả ra để mua với giá trị ghi sổ tổng hợp của tài sản và nợ phải trả của bên bị mua được ghi nhận giảm thặng dư vốn cổ phần. Không có lợi thế thương mại nào được tạo ra từ việc hợp nhất kinh doanh của các doanh nghiệp cũng dưới sự kiểm soát chung.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Nhiệm vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nhiệm vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nhiệm vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

Liên doanh và các bên liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh, liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo ngân đồng Việt Nam.

Trong năm, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC, hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Năm nay, lần đầu tiên Tập đoàn đã áp dụng Thông tư này.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tiền tệ ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận vào khoản mục 416 thuộc phần vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối kế toán và sẽ được hoàn nhập tại ngày đầu tiên của niên độ sau.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tiền tệ dài hạn gốc ngoại tệ tại ngày lập bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Lãi và lỗ do chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Nợ phải trả tiền tệ dài hạn gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Lãi do chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng với số chênh lệch tỷ giá lỗ của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được ghi nhận vào khoản mục 416 của phần vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối kế toán và sẽ được hoàn nhập tại ngày đầu tiên của niên độ sau.

Việc hạch toán theo Thông tư 201 là không phù hợp với Chuẩn Mực Kế Toán Việt Nam số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, theo đó, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty và các công ty con sử dụng nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị của hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ khó đòi được xóa sổ khi được xác định.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn khi so giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định theo cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên các cấp độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí hoàn tất và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết.

2.9 Kế toán các khoản đầu tư**(a) Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán và các khoản đầu tư được giữ lại với ý định để bán trong vòng 12 tháng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư ngắn hạn được hạch toán ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn được lập khi giá gốc của các khoản đầu tư cao hơn giá trị hợp lý.

(b) Đầu tư dài hạn

- (i) Tiền gửi ngân hàng dài hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán và được hạch toán theo giá gốc.
- (ii) Đầu tư trái phiếu được phân loại là đầu tư dài hạn với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư trái phiếu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng được lập khi có bằng chứng giảm giá dài hạn của chứng khoán hoặc trong trường hợp Tập đoàn không thể thu hồi khoản đầu tư.
- (iii) Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỷ lệ nắm giữ dưới 20% tại các đơn vị đã niêm yết hoặc chưa niêm yết mà không dự tính bán trong vòng 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được lập khi có sự giảm sút giá trị của các khoản đầu tư này.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thu đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian sử dụng ước tính của nhóm tài sản cố định:

Thời gian hữu dụng ước tính

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm
Phần mềm, vi tính	3 - 8 năm

2.10 Tài sản cố định (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong số năm phù hợp với từng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến niên độ kế toán tiếp theo và các khoản chi này sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất của các niên độ kế toán sau.

2.12 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại thể hiện phần chênh lệch giữa giá trị thực tế cao hơn giá trị thị trường của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần xác định được của công ty con bị mua tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí trong thời hạn 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

2.13 Chi phí vay

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.14 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

(b) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.15 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực có thể sử dụng được những chênh lệch tạm thời để tính vào lợi nhuận chịu thuế có thể có được trong tương lai.

2.16 Chia cổ tức

Phần cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được các cổ đông phê chuẩn.

2.17 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.18 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.19 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Tập đoàn. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Tập đoàn phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, số dự phòng đã được lập trên cơ sở nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc, dựa trên mức lương của người lao động tại ngày đó.

2.19 Dự phòng trợ cấp thôi việc (tiếp theo)

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số tiền trợ cấp thôi việc phải trả cho số người lao động hiện hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình cho giai đoạn 6 tháng trước ngày chấm dứt làm việc với Tập đoàn.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2009	2008
	1.000 đồng	1.000 đồng
Tiền mặt	7.041.334	3.886.743
Tiền gửi ngân hàng	255.663.856	52.653.397
Tiền đang chuyển	-	456.248
Các khoản tương đương tiền (*)	87.389.762	10.592.000
	<u>350.094.952</u>	<u>67.588.388</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tính từ ngày gửi.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	2009	2008
	1.000 đồng	1.000 đồng
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Tùng (i)	2.189.378	4.100.000
Ông Nguyễn Phi Kha (i)	10.678.075	15.500.000
Tiền gửi ngân hàng (ii)	3.800.000	-
Khác	1.236.094	-
	<u>17.863.547</u>	<u>19.600.000</u>

(i) Các khoản đầu tư trên là các khoản cho vay ngắn hạn có tính lãi theo lãi suất cho vay cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(ii) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 – 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 – DN/HN

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

		2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Đầu tư vào công ty liên doanh		5.335.951	1.084.593
Đầu tư dài hạn khác	(i)	352.196.528	344.837.768
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(ii)	(33.238.453)	(12.745.458)
		<u>324.294.026</u>	<u>333.176.903</u>

(i) Đầu tư dài hạn khác như sau:

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank)	29.571.310	27.212.550
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á	62.500.218	62.500.218
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Vật Tư Thiết Bị (MESCO) (*)	255.000.000	255.000.000
Cty TNHH MTV Trường Phú	5.000.000	-
Kỳ quỹ dài hạn	125.000	125.000
	<u>352.196.528</u>	<u>344.837.768</u>

(*) Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư bằng hình thức mua cổ phần của bên thứ ba và các khoản đầu tư dài hạn khác, bao gồm:

Tên Công ty mua cổ phần	2009 1.000 đồng	Số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ	Giá trung bình mỗi cổ phiếu 1.000 đồng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	29.571.310	1.022.131	29
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á	62.500.218	3.420.000	18
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Vật Tư Thiết Bị (MESCO) (a)	<u>255.000.000</u>	31.453	8.107

(a) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã ký hợp đồng và thanh toán việc mua lại 100% cổ phần của MESCO với giá mua 255 tỷ đồng Việt Nam. Tuy nhiên đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty chưa kiểm soát MESCO, do vậy khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư dài hạn khác.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103000069 của MESCO, MESCO là một công ty cổ phần có vốn điều lệ là 3.300.000 ngàn đồng Việt Nam (tương đương 33.000 cổ phần). Hai cổ đông chính của MESCO là ông Nguyễn Thế Lâm và ông Đinh Ngọc Thanh lần lượt nắm giữ 53% và 35% cổ phần của MESCO.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 – DN/HN

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

(i) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	12.745.458	-
Dự phòng giảm giá cổ phiếu đầu tư vào Sacombank (*) (Thuyết minh số 27)	(7.807.505)	12.745.458
Dự phòng giảm giá cổ phiếu đầu tư vào Đại Á (**) (Thuyết minh số 27)	28.300.500	
Tại ngày 31 tháng 12	<u>33.238.453</u>	<u>12.745.458</u>

(*) Giá trị thị trường của cổ phiếu Sacombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 24.100 đồng Việt Nam một cổ phiếu.

(**) Giá trị thị trường của cổ phiếu ngân hàng Đại Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 10.000 đồng Việt Nam một cổ phiếu.

5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Phải thu bên thứ ba	691.700.651	339.167.247
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 32(b)(i))	18.359.154	3.696.548
	<u>710.059.805</u>	<u>342.863.795</u>

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, những khoản trả trước cho nhà cung cấp trọng yếu bao gồm:

	1.000 đồng	Mục đích
Ông Nguyễn Trường Sơn và Bà Hoàng Thị Ngọc Anh	137.000.800	Trả trước mua đất ở Quận 7
Công ty TNHH Thăng Long	49.600.000	Góp vốn hợp tác đầu tư dự án tại 541 Nguyễn Văn Cừ Long Biên, Hà Nội (*)
KIA Motors Corporation	43.835.388	Ứng trước hợp đồng
Ông Nguyễn Trường Sơn và Ông Cao Trọng Hoàn	25.205.312	Trả trước mua đất ở Quận 7
Công ty Internation (HK)	7.616.386	Trả trước mua máy móc thiết bị
La Khách Nguyễn Kinh Luân- Nguyễn Thị Hà	4.137.714	Trả trước tiền mua đất căn cứ theo hợp đồng số HD10/07-HDCN ngày 26 tháng 12 năm 2007
Bà Bành Thị Hồng	<u>2.000.000</u>	Trả trước tiền mua đất ở Bình Triệu

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

(*) Ngày 28 tháng 8 năm 2008, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Thăng Long về việc hợp tác đầu tư xây dựng dự án và khai thác kinh doanh "Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và căn hộ cao cấp" tại địa chỉ Số 541 Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội.

Theo thỏa thuận đầu tư, công ty TNHH Thăng Long chịu trách nhiệm tiến hành những thủ tục pháp lý liên quan để thành lập ra công ty mới. Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã chuyển tiền góp vốn là 49,6 tỷ đồng theo đúng như tiến độ góp vốn. Tuy nhiên Công ty TNHH Thăng Long chưa xin được giấy phép thành lập công ty nên khoản tiền mà Công ty đã trả trước cho Thăng Long được ghi nhận là khoản trả trước cho người bán.

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Phải thu khác từ bên thứ ba (*)	60.511.113	52.295.168
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32(b)(ii))	1.637.862	1.220.466
Phải trả cho nhân viên	37.382	146.835
	<u>62.186.377</u>	<u>53.662.469</u>

(*) Những khoản phải thu từ bên thứ ba trọng yếu bao gồm:

Bên thứ ba	1.000 đồng	Lý do
Công ty Đầu Tư & Phát Triển Kỹ Hà Chu Lai Quảng Nam (Kỹ Hà)	29.946.312	(i)
Cục thuế Kỹ Hà	12.000.000	(iii)
Bà Võ Thị Mươi	7.500.000	(ii)
Công ty TNHH An Hưng	3.200.000	Công ty hủy dự án đầu tư và quyết định thu lại số tiền ứng trước để xây dựng
Công ty Tư vấn và Xây dựng HPCI	1.300.000	Công ty hủy dự án đầu tư và quyết định thu lại số tiền trả trước cho thiết kế
Công ty TNHH TM & DV Bạch Ngân	<u>1.000.000</u>	Công ty hủy dự án đầu tư và quyết định thu lại số tiền trả trước dùng để mua đất

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

- (i) Kỳ Hà, một doanh nghiệp nhà nước tọa lạc tại Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam. Tổng Giám đốc Kỳ Hà là một thành viên trong ban quản lý của Khu kinh tế mở Chu Lai.

Ngày 24 tháng 11 năm 2008, Công ty và Kỳ Hà đã ký một Biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư trong giai đoạn từ năm 2009, đến năm 2012 theo đó Công ty và Kỳ Hà tiến hành những dự án sau tại khu kinh tế mở Chu Lai, Tỉnh Quảng Nam với các nội dung sau:

- Đầu tư phát triển hạ tầng Khu công nghiệp;
- Đầu tư cảng trung chuyển container tại Khu công nghiệp Tam Hiệp, và
- Đầu tư phát triển hạ tầng khu đô thị mới.

- Theo thỏa thuận này, số tiền đã ứng trước Kỳ Hà năm 2007 là 29.946.312 ngàn đồng Việt Nam sẽ được góp như là một phần vốn đầu tư của Công ty vào dự án này.

Ngày 30 tháng 7 năm 2009, Công ty và Kỳ Hà ký một biên bản ghi nhớ, thỏa thuận về việc đền bù giải tỏa để xây dựng Cảng Tam Hiệp. Theo đó, số công nợ 29.946.312.000đ sẽ được cân trừ từng đợt vào chi phí đền bù giải tỏa và san lấp mặt bằng mà Kỳ Hà đã thực hiện cho Công ty đối với phần diện tích trên.

- (ii) Các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, không tính lãi và phải hoàn trả trong năm 2010.

- (iii) Các khoản ứng trước cho Cục thuế Kỳ Hà cho hàng nhập khẩu.

8 HÀNG TỒN KHO

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Hàng mua đang đi trên đường	403.440.679	2.789.723
Nguyên vật liệu tồn kho	373.017.524	667.308.710
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.043.985	1.172.453
Chi phí SXKD dở dang	37.655.051	14.363.484
Thành phẩm tồn kho	800.755.250	406.068.949
Hàng hóa	467.116.366	165.012.203
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(31.175.913)	(25.743.061)
	<u>2.071.852.942</u>	<u>1.230.972.461</u>

(*) Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	25.743.061	-
Dự phòng trong năm (Thuyết minh số 26)	30.092.437	25.743.061
Hoàn nhập trong năm	(24.659.585)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>31.175.913</u>	<u>25.743.061</u>

9 TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn (*)	94.162.627	6.929.612
Khác	10.204.144	11.225.304
	<u>104.366.771</u>	<u>18.154.916</u>

(*) Kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn thể hiện các khoản kỳ quỹ để mở thư tín dụng tại các ngân hàng trong nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Tòa nhà 1.000 đồng	Máy móc thiết bị 1.000 đồng	Phương tiện vận tải 1.000 đồng	Thiết bị văn phòng 1.000 đồng	TSCĐ hữu hình khác 1.000 đồng	Tổng cộng 1.000 đồng
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	406.204.285	581.600.238	190.351.593	6.692.334	266.412	1.185.114.862
Mua sắm mới	10.856.627	24.792.118	17.844.214	4.063.387	94.018	57.650.364
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh số 10(c))	48.443.604	37.327.816	2.917.060	421.336	155.148	89.264.964
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	1.267.043	12.308	29.035	-	1.328.386
Các khoản điều chỉnh tăng khác	11.328.804	4.324.756	1.184.994	54.262	754.411	17.647.247
Thanh lý	(442.007)	(15.649.789)	(2.500.275)	(157.374)	-	(18.749.445)
Giảm khác	(6.461.875)	(1.659.952)	(94.647)	(1.352.789)	-	(11.569.263)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	467.929.438	632.022.230	209.715.247	9.750.211	1.269.989	1.320.687.115
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	46.923.574	102.214.930	24.277.707	3.067.984	27.118	176.511.313
Khấu hao trong năm	28.599.045	102.655.451	18.205.719	1.697.306	206.860	151.366.381
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	200.620	2.256	9.275	-	212.151
Các khoản điều chỉnh tăng khác	-	-	-	-	2.893	2.893
Thanh lý	(19.840)	(12.166.280)	(1.728.214)	(161.634)	-	(14.075.968)
Giảm khác	(149.093)	(765.978)	(65.155)	(1.117.713)	-	(2.097.938)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	75.353.686	192.138.743	40.692.313	3.495.218	238.871	311.918.831
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	359.280.711	479.385.308	166.073.886	3.624.350	239.294	1.008.603.549
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	392.575.752	439.883.487	169.022.934	6.254.993	1.031.118	1.008.768.284

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 8.202.277 ngàn đồng Việt Nam (năm 2008: 15.485.943 ngàn đồng Việt Nam).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tài sản cố định hữu hình với tổng giá trị còn lại là 286.861.689 ngàn đồng Việt Nam (2008: 204.429.020 ngàn đồng Việt Nam) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn.

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất 1.000 đồng	Phần mềm máy tính 1.000 đồng	Bảng phát minh sáng chế 1.000 đồng	Tổng cộng 1.000 đồng
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	422.439.327	222.429	223.520	422.885.276
Mua sắm mới	355.657.376	1.776.633	98.637	357.532.646
Chuyển từ công trình xây dựng dở dang (Thuyết minh 10(c))	112.642.825	-	-	112.642.825
Các điều chỉnh giảm khác	(8.946.220)	-	-	(8.946.220)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	681.193.310	1.999.062	322.157	683.514.529
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	4.765.826	127.300	37.254	4.930.379
Khấu hao trong năm	3.275.138	310.266	94.235	3.679.639
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	8.040.963	437.566	131.489	8.610.018
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	417.673.502	95.129	186.266	417.964.897
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	673.152.347	1.561.496	190.668	674.904.511

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tài sản cố định vô hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 242.669.362 ngàn đồng Việt Nam (2008: 170.309.176 ngàn đồng Việt Nam) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Tập đoàn vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty đã ủy quyền cho những cá nhân sau đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty như sau:

- Bà Viên Diệu Hoa là thành viên Hội Đồng Quản Trị đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A829320, ngày 18 tháng 10 năm 1996 tại 36C11 Ấp 3C, Quốc Lộ 1A, Huyện Bình Chánh với tổng nguyên giá là 19.000.000 ngàn đồng;
- Ông Đỗ Hoài Nam là nhân viên phòng Hành Chánh Nhân Sự đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK895078, ngày 29 tháng 8 năm 2007 tại KP2, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang với tổng nguyên giá 150.000 ngàn đồng;

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	296.339.926	403.973.865
Tăng	435.250.048	621.842.824
Giảm:		
- Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 10(a))	(89.264.964)	(596.579.021)
- Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh số 10(b))	(112.642.825)	(117.140.176)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(6.630.220)	(997.881)
- Khác	(22.411.880)	(14.759.683)
Tại ngày 31 tháng 12	500.640.085	296.339.926

Chi tiết các dự án chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	1.000 đồng	Mục đích của dự án
Mua Tài sản cố định chi nhà máy khung gầm & thùng xe Chu Lai – Trường Hải	117.942.197	Mua tài sản cố định cho nhà máy sản xuất khung gầm và thùng xe tại khu kinh tế mở Chu Lai
Trung tâm Thương mại	105.518.032	Xây dựng một trung tâm thương mại 4.500m ² ở Quận 7
Dự án công trình KCN Cơ Khí Ô tô Chu Lai – TH	103.018.426	Đầu tư xây dựng công trình khu công nghiệp cơ khí ô tô tại khu kinh tế mở Chu Lai
Chi phí xây dựng dự án nhà máy thép Chu Lai	54.855.618	Xây dựng nhà máy thép tại khu kinh tế mở Chu Lai
Chi phí xây dựng dự án SX khung gầm và thùng xe Chu Lai Trường Hải	25.641.707	Xây dựng nhà máy sản xuất khung gầm và thùng xe ô tô tại khu kinh tế mở Chu Lai, Quảng Nam
Dự án Showroom Ô tô thương mại quận 7	21.792.692	Xây dựng showroom bán hàng tại Q7, Tp. HCM
Dự án công trình khu dân cư Hòa Thuận	21.346.907	Xây dựng khu liên hiệp nhà ở cao cấp tại Hòa Thuận, Quảng Nam
Dự án xây dựng Showroom Cam Giá	8.709.950	Xây dựng trung tâm thương mại cho công ty TNHH Thái Nguyên
Dự án Showroom Bắc Ninh	5.180.915	Xây dựng trung tâm thương mại và siêu thị ô tô tại Phường Đại Phúc, Tỉnh Bắc Ninh

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 – DNHN

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	24.201.044	38.170.319
Tăng trong năm	337.461.980	38.251.647
Phân bổ trong năm	(80.260.374)	(52.220.922)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>281.402.650</u>	<u>24.201.044</u>

Trả trước dài hạn ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm những mục sau:

	1.000 đồng
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	240.753.922
Công cụ, dụng cụ	8.103.637
Chi phí bảo trì và sửa chữa lớn	5.468.505
Các chi phí khác	27.076.586
	<u>281.402.650</u>

12 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	28.364.507	-
Tăng (*)	5.750.000	30.121.600
Khấu hao trong năm (Thuyết minh 29)	(3.156.326)	(1.757.093)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>30.958.181</u>	<u>28.364.507</u>

(*) Lợi thế thương mại phát sinh từ việc thụ đắc 100% vốn điều lệ của các công ty con sau:

	1.000 đồng
Công Ty TNHH MTV Chế Thuận Phát (Thuận Phát*) (i)	2.900.000
Công Ty TNHH MTV Vĩnh Cát ("Vĩnh Cát") (ii)	2.850.000
	<u>5.750.000</u>

(*) Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2500207133 ngày 19 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp, Công ty TNHH Chế Thuận Phát ("Thuận Phát") là một công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn điều lệ là 3.100.000 ngàn đồng được sở hữu bởi ông Nguyễn Ánh Sơn (25%), Ông Trần Quốc Trung (18,75%) và ông Tô Việt Thương (56,25%).

Tháng 7 năm 2009, Công ty đã ký một hợp đồng chuyển nhượng vốn chủ sở hữu với 3 thành viên của Công ty TNHH Chế Thuận Phát để mua lại 100% vốn điều lệ của Thuận Phát với số tiền là 6.000.000.000 đồng Việt Nam. Tổng tài sản thuần của Công ty TNHH Chế Thuận Phát tại ngày mua là 3.100.000.000 đồng Việt Nam.

12 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

(**) Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0700388246 ngày 28 tháng 9 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp, Công ty TNHH Vĩnh Cát ("Vĩnh Cát") là một công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn điều lệ là 150.000 ngàn đồng, được sở hữu bởi Công ty TNHH Thương Mại và Tư Vấn Đầu Tư Vĩnh Cát.

Ngày 16 tháng 9 năm 2009, Công ty đã ký một hợp đồng chuyển nhượng với chủ sở hữu của Công ty TNHH Vĩnh Cát để mua 100% vốn điều lệ của Vĩnh Cát với số tiền là 3.000.000.000 đồng Việt Nam. Tổng tài sản thuần của Công ty TNHH Vĩnh Cát tại ngày mua là 150.000 ngàn đồng Việt Nam.

13 CÁC KHOẢN VAY

(a) Khoản vay ngắn hạn

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (i)	1.447.666.142	762.517.156
Khoản vay cá nhân (ii)	18.390.438	142.000.000
Khoản vay dài hạn đến hạn trả	-	31.662.944
	<u>1.464.056.580</u>	<u>936.180.100</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 – DN/HN

13 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(a) Khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

(i) Tập đoàn có các hợp đồng vay ngắn hạn từ các ngân hàng trong nước để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Công ty con	Ngân hàng cho vay	Hạn mức tín dụng Triệu đồng	Thời hạn trả	Mức lãi suất	Khoản nợ tại ngày 31 tháng 12 Triệu đồng	Tài sản thế chấp
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	Ngân Hàng Á Châu	200.000	19.5.2010	6.15% - 6.65%	78.875	Hàng hóa hình thành từ vốn vay
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	Ngân Hàng MTV HSBC Việt Nam	-	16.4.2010	3.7% - 12%	19.957	Tin chấp
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	Ngân Hàng Thương Mại cổ phần - CN Quảng Nam	200.000	7.7.2010	3.7% - 5.96%	80.319	Tin chấp
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	Ngân Hàng TM CP Sài Gòn - Hà Nội	300.000	4.4.2010	4.2% - 12%	206.076	Hàng hóa hình thành từ vốn vay
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	Ngân Hàng Kỹ Thương - CN Đà Nẵng	150.000	17.7.2010	5.2% - 5.5%	126.986	Hàng hóa hình thành từ vốn vay
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Chu Lai - Trường Hải	Ngân Hàng Ngoại Thương CN - Quảng Nam	1.000.000	24.9.2010	5.2% - 7.76%	332.410	Nhà xưởng, MMTR, Hàng hóa hình thành từ vốn vay
Công ty CP Ôtô Trường Hải	Ngân hàng Eximbank	29.000	30.6.2010	12%	29.000	Quyền sử đất
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Du Lịch Trường Hải - KIA	Ngân Hàng MTV HSBC Việt Nam	88.000	24.3.2010	4.2% - 4.5%	68.572	Hàng hóa hình thành từ vốn vay
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Du Lịch Trường Hải - KIA	Ngân Hàng TM CP Công Thương VN - CN Q.Nam	300.000	22.9.2010	5% - 6%	69.928	Hàng hóa hình thành từ vốn vay
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Du Lịch Trường Hải - KIA	Ngân Hàng TM CP Sài Gòn - Hà Nội - CN Đà Nẵng	250.000	30.6.2010	4.2% - 12%	158.712	Hàng hóa hình thành từ vốn vay
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Du Lịch Trường Hải - KIA	Ngân Hàng Kỹ Thương - CN Đà Nẵng	150.000	23.5.2010	6.5%	38.991	Hàng hóa hình thành từ vốn vay
Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ôtô Du Lịch Trường Hải - KIA	Ngân Hàng Ngoại Thương CN - Quảng Nam	520.000	22.9.2010	7.52% - 11.52%	84.340	Thế chấp TSCĐ & Hàng hóa xe
Công Ty TNHH MTV Vận Tải - Giao Nhận - Phân Phối Ôtô Chu Lai Trường Hải	Ngân Hàng Quân Đội - CN Đà Nẵng	100.000	30.4.2010	12%	19.500	Tin chấp
Công Ty TNHH MTV Vận Tải - Giao Nhận - Phân Phối Ôtô Chu Lai Trường Hải	Ngân Hàng Ngoại Thương CN - Quảng Nam	400.000	30.6.2010	11.76%	134.000	Tin chấp
					1.447.966	

(ii) Thể hiện khoản vay không có tài sản bảo đảm và không chịu lãi suất từ Ông Nguyễn Thế Lam. Khoản vay này được sử dụng để tài trợ cho việc đầu tư vào MESCO – Thuyết minh số 4(b) và sẽ được hoàn trả trong năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 – DN/HN

13 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Khoản vay dài hạn

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Khoản vay dài hạn (*)	189.229.371	100.967.662
Trừ: Khoản vay dài hạn đến hạn trả	-	(31.662.944)
	<u>189.229.371</u>	<u>69.304.718</u>

(*) Chi tiết tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau

Công Ty TNHH Sản Xuất Khung Gầm - Thùng Xe Chu Lai Trường Hải (i)	135.759.906
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất và Lắp Ráp Ghé Ôtô Việt - C.N.A (ii)	5.054.740
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất và Kinh Doanh Thép Chu Lai - Trường Hải (iii)	40.913.950
Công ty Cổ phần Ôtô Trường Hải (iv)	7.500.775
Tổng cộng các khoản vay dài hạn	<u>189.229.371</u>
Trừ: Khoản vay dài hạn đến hạn trả	-
	<u>189.229.371</u>

- (i) Khoản vay có hạn mức 190 tỷ đồng Việt Nam vay trong năm 2009 để thanh toán cho việc xây dựng nhà máy và lắp đặt dây chuyền sơn khung gầm của Công Ty TNHH Sản Xuất Khung Gầm - Thùng Xe Chu Lai Trường Hải. Khoản vay chịu lãi suất 6,5%/năm đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 ngân hàng mới giải ngân được số tiền 135.759.906 (Số HĐ : 6500J6/09378/NHNT)
- (ii) Khoản vay có hạn mức 5 tỷ đồng Việt Nam vay trong tháng 7 năm 2009 để thanh toán cho việc mua thiết bị dây chuyền sản xuất. Khoản vay chịu lãi suất 6,38%/năm và hoàn trả trong vòng 24 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay có hạn mức 45 tỷ đồng Việt Nam vay trong năm 2009 để thanh toán cho việc xây dựng nhà xưởng và dây chuyền máy cắt, cán thép. Khoản vay chịu lãi suất 10,5%/năm và hoàn trả trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Khoản vay có hạn mức 21 tỷ đồng Việt Nam vay trong năm 2009 để thanh toán cho dự án Showroom Vĩnh Long. Khoản vay này chịu lãi suất 10,5%/năm và hoàn trả trong 5 năm.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Các bên thứ ba	204.349.423	194.179.717
Các bên liên quan	-	44.389
Tổng cộng	<u>204.349.423</u>	<u>194.224.106</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 – DN/HN

15 DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đây là dịch vụ bảo trì, sửa chữa những xe đã bán trong năm 2008 và 2009.

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.664.896	17.971.043
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	41.416.509	4.724.141
Thuế tiêu thụ đặc biệt	206.037.808	13.461.156
Thuế xuất, nhập khẩu	544.318.263	13.886.402
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.896.284	6.707.016
Các loại thuế khác	487.332	219.662
	<u>812.821.092</u>	<u>56.969.420</u>

Theo Công văn số 7807/BTC-TCT ngày 02 tháng 06 năm 2009, về việc gia hạn nộp thuế. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam cho phép Công ty TNHH sản xuất và lắp ráp ô tô Chu Lai – Trường Hải và Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô du lịch Trường Hải – Kia được gia hạn nộp 2 loại thuế sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009: thời gian gia hạn nộp thuế là 1 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế theo quy định của Luật quản lý thuế.
- Thuế nhập khẩu: thời gian gia hạn là 365 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan và áp dụng đối với các tờ khai hàng hóa nhập khẩu đăng ký với cơ quan hải quan kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010.

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Tiền lãi	2.055.285	1.127.371
Lương và các chi phí liên quan	967.298	6.411.484
Chi phí quảng cáo	3.034.548	1.618.236
Chi phí giao nhận	7.243.510	865.648
Chi phí tiện ích	293.262	305.258
Chi phí bảo hiểm	945.285	1.025.573
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	584.282	4.340.928
Các chi phí khác	5.871.578	5.691.170
	<u>20.995.048</u>	<u>21.385.668</u>

18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Phải trả cho khu đất giá tóa cho Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp Mở Chu Lai, Tỉnh Quảng Nam	12.360.583	22.360.583
Cổ tức phải trả (Thuyết minh số 22)	27.827	2.000.745
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32(b)(ii))	1.444	1.521.466
Các khoản phải trả khác	13.955.009	13.205.347
	<u>26.344.863</u>	<u>39.088.141</u>

19 THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế của các công ty trong Tập đoàn.

Số liệu về bù trừ thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	-	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	1.875.558	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>1.875.558</u>	<u>-</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các khoản trích trước.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chuyển lỗ tính thuế tới chừng mực có khả năng thực hiện được các lợi ích về thuế đối với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

Các khoản chuyển lỗ tính thuế của Công ty có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Khoản lỗ tính thuế thực tế nào có thể được chuyển qua các năm sau thì phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo. Các khoản lỗ tính thuế ước tính đang được các công ty con ghi nhận có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của các công ty con như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Khoản lỗ thuế 1.000 đồng
2006	Chưa quyết toán	1.360.808
2007	Chưa quyết toán	2.470.915
2008	Chưa quyết toán	12.885.290
2009	Chưa quyết toán	<u>1.327.069</u>

Các công ty con và Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ tính thuế có thể được mang qua các năm sau như nêu ở trên vì khả năng có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá hiện nay là không khả thi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 – DN/HN

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2009	2008
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	200.000.000	96.280.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000	94.039.561

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết về cơ cấu vốn góp của chủ sở hữu của Công ty như sau:

	Nhà đầu tư trong nước		Nhà đầu tư nước ngoài		Tổng cộng Số cổ phiếu phổ thông
	Số cổ phiếu phổ thông	Tỉ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phiếu phổ thông	Tỉ lệ nắm giữ (%)	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	65.728.460	96,66	2.273.540	3,34	68.000.000
Tăng trong năm	6.605.979	25,37	19.433.582	74,63	26.039.561
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	72.332.439	76,92	21.707.122	23,08	94.039.561
Tăng trong năm	65.712.949	62,02	40.247.490	37,98	105.960.439
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	138.045.388	69,02	61.954.612	30,98	200.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng Việt Nam trên một cổ phiếu.

(c) Tình hình biến động của vốn góp

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	68.000.000	680.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	26.039.561	260.395.610
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	94.039.561	940.395.610
Cổ phiếu mới phát hành	105.960.439	1.059.604.390
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	200.000.000	2.000.000.000

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(c) Tình hình biến động của vốn góp (tiếp theo)

Danh sách các cổ đông nắm giữ cổ phần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm:

Cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị	
		1.000 đồng	%
Cty TNHH SX & TM Trần Danh	121.517.154	1.215.171.540	60,76
Jardine Cycle & Carriage LTD.	58.446.944	584.469.440	29,22
Trần Bá Dương	10.000.000	100.000.000	5,00
PCA International Funds SPC	3.507.668	35.076.680	1,75
Các cổ đông khác	6.528.234	65.282.340	3,27
Tổng cộng	200.000.000	2.000.000.000	100,00

Theo Nghị Quyết số 02/2009/NQ-DHDCD ngày 27 tháng 11 năm 2009 của cuộc họp Đại hội Cổ đông bất thường, Đại hội cổ đông đã nhất trí thông quan việc chuyển nhượng phần lớn số cổ phần của Ông Trần Bá Dương và các thành viên gia đình ông là những cổ đông sáng lập cho Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Trần Danh.

Ngày 16 tháng 12 năm 2009, Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh cho phép tăng vốn cổ phần của Công ty.

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn chủ sở hữu 1.000 đồng	Thặng dư vốn cổ phần 1.000 đồng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 1.000 đồng	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại 1.000 đồng	Tổng cộng 1.000 đồng
Ta ngày 1 tháng 1 năm 2008	680.500.000	375.500.000	171.762.288	-	1.226.262.288
Vốn tăng trong năm	280.265.613	1.109.726.638	-	-	1.389.992.251
Lợi nhuận trong năm	-	-	208.348.885	-	208.348.885
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(26.652.537)	-	(26.652.537)
Chia cổ tức	-	-	(183.590.862)	-	(183.590.862)
Khác	-	-	(1.749.703)	-	(1.749.703)
Ta ngày 31 tháng 12 năm 2008	960.765.613	1.485.226.638	188.107.802	-	2.611.769.248
Vốn tăng trong năm	58.604.380	461.400.058	-	-	541.004.448
Chuyển sang vốn điều lệ	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	723.203.421	-	723.203.421
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(38.483.792)	-	(38.483.792)
Chia cổ tức	-	-	(188.079.122)	-	(188.079.122)
Khác	-	-	-	3.488.070	3.488.070
Ta ngày 31 tháng 12 năm 2009	2.000.600.000	963.926.694	685.778.309	3.488.070	3.652.992.273

Theo Cuộc Họp Đại hội Cổ đông bất thường ngày 27 tháng 11 năm 2009, các cổ đông đã đồng ý chuyển thặng dư vốn cổ phần 1.000.000 triệu đồng Việt Nam sang tăng vốn điều lệ.

Tại Đại hội Cổ đông thường niên ngày 29 tháng 4 năm 2009, Hội đồng Quản trị đã công bố chia cổ tức 188.079 triệu đồng từ lợi nhuận chưa phân phối.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 – DN/HN

22 CỐ TỨC PHẢI TRẢ

	2009	2008
	1.000 đồng	1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	2.000.745	8.659.015
Cố tức được công bố trong năm (Thuyết minh số 32(iv))	188.079.122	163.580.892
Cố tức đã chi trả trong năm:		
- Chi trả bằng cổ phiếu	-	(63.290.668)
- Chi trả bằng tiền	(190.052.040)	(106.858.494)
	<u>27.827</u>	<u>2.000.745</u>

23 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2009	2008
	1.000 đồng	1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	17.916.545	(241.487)
Tăng trong năm (Thuyết minh số 21)	38.483.792	25.652.537
Chi trả	(4.997.973)	(7.494.525)
	<u>51.402.364</u>	<u>17.916.545</u>

24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm cổ phiếu mà Công ty mua lại và nắm giữ như là cổ phiếu quỹ.

	2009	2008
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (ngàn đồng Việt Nam)	723.203.421	208.348.665
Số lượng cổ phiếu bình quân đang phát hành (cổ phiếu)	95.375.010	80.757.827
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Việt Nam đồng)	7.583	2.580

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 – DN/HN

25 DOANH THU

(a) Doanh thu thuần

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Doanh thu		
Doanh thu bán xe	6.817.864.278	3.748.210.673
Doanh thu bán phụ tùng	47.474.971	253.015.732
Doanh thu dịch vụ	70.030.322	86.551.555
Doanh thu khác	20.237.627	-
	<u>6.955.597.198</u>	<u>4.087.777.960</u>
Các khoản giảm trừ		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(329.607.668)	(47.326.080)
Hàng bán bị trả lại	(31.967.126)	(30.325.562)
Các khoản giảm trừ doanh thu khác	(9.414)	(1.040.091)
	<u>(361.584.208)</u>	<u>(78.691.733)</u>
Doanh thu thuần	<u>6.594.012.990</u>	<u>4.009.086.227</u>

(b) Doanh thu từ hoạt động tài chính

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Lãi tiền gửi	9.928.856	5.907.136
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.929.380	2.025.550
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.123.870	10.405.758
Các thu nhập tài chính khác	1.032.685	16.104
	<u>17.014.791</u>	<u>18.354.548</u>

26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Giá vốn bán xe	5.140.721.250	2.969.462.673
Giá vốn bán phụ tùng	19.154.448	247.908.436
Giá vốn dịch vụ	51.690.017	94.444.441
Khác	46.679.885	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh số 8(**))	30.092.437	25.743.061
	<u>5.288.338.037</u>	<u>3.337.568.611</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 – DN/HN

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Chi phí lãi vay	60.681.684	125.253.156
Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái (Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá cổ phiếu đầu tư vào Sacombank (Thuyết minh số 4(b)(i))	63.822.265	79.079.784
Dự phòng giảm giá cổ phiếu đầu tư vào Đại Á (Thuyết minh số 4(b)(i))	(7.807.505)	12.745.458
Khác	28.300.500	-
	595.180	103.039
	<u>145.592.124</u>	<u>217.181.437</u>

28 CHI PHÍ BÁN HÀNG

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí bán hàng:

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Khấu hao tài sản cố định	7.562.398	15.336.703
Chi phí nhân viên	27.537.313	20.847.878
Chi phí bảo hành, bảo dưỡng	38.163.495	18.854.201
Chi phí vận chuyển	53.894.505	7.811.080
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	20.704.916	48.415.777

29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	16.686.238	8.505.368
Chi phí nhân viên	67.638.426	25.528.015
Phí ngân hàng	13.348.905	3.580.424
Dự phòng nợ khó đòi	2.941.898	1.386.081
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 12)	3.156.326	1.767.093

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 – DN/HN

30 THU NHẬP KHÁC

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	4.853.794	5.201.320
Thu nhập khác	16.275.406	22.933.794
	<u>21.129.200</u>	<u>28.135.114</u>
Chi phí khác		
Lỗ do thanh lý TSCĐ	(4.609.008)	(5.108.595)
Chi phí khác	(10.468.015)	(13.799.296)
	<u>(15.077.023)</u>	<u>(18.907.891)</u>
Thu nhập khác – Số thuần	<u>6.052.177</u>	<u>9.227.223</u>

31 THUẾ

Thuế trên lợi nhuận chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với số thuế khi được tính theo thuế suất hiện hành áp dụng cho Công ty và các công ty con, như sau:

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Lợi nhuận kế toán trước thuế	765.407.485	225.909.120
Thuế tính theo các mức thuế suất tương ứng	21.308.024	64.985.533
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(4.510.630)	(55.953.819)
Chi phí không được khấu trừ	5.706.005	1.276.987
Sử dụng các khoản chuyển lỗ tính thuế chưa được ghi nhận trước đây	(191.091)	(112.738)
Dự phòng thừa của năm trước	(53.457)	(746.816)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>22.258.851</u>	<u>9.449.147</u>
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	24.134.409	9.449.147
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	(1.875.558)	-
	<u>5.712.094.587</u>	<u>4.042.751.363</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho niên độ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 – DNHN

32 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Công ty TNHH Thaco Kia - Đà Nẵng	69.878.815	-
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất và Lắp Ráp Ghế Ôtô Việt - C.N.A	-	3.496.315
	<u> </u>	<u> </u>

ii) Mua bán hàng hóa và dịch vụ

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất và Lắp Ráp Ghế Ôtô Việt - C.N.A	-	179.770
	<u> </u>	<u> </u>

iii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Hội đồng Quản trị	200.000	270.000
Ban kiểm soát	1.140.000	515.000
Ban Tổng Giám đốc	4.374.538	1.138.387
	<u>5.714.538</u>	<u>1.923.387</u>

iv) Các hoạt động tài chính

Cổ tức của năm 2008 công bố chi trả cho các cổ đông trong năm 2009 như sau:

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Trần Bá Dương	87.979.728	107.630.437
Jardine Cycle & Carriage LTD	38.512.594	-
Viên Diệu Hoa	26.567.706	31.775.000
Ngân hàng Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	9.756.528	2.570.027
Trần Bá Hùng	9.922.500	11.915.625
PCA International Funds SPC	3.507.668	663.175
Nguyễn Văn Kim Lân	2.218.000	232.500
Trần Thị Bạch Tuyết	1.984.500	2.383.125
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Prudential Việt Nam	1.648.904	194.284
Các cổ đông khác	5.980.994	6.226.719
	<u>188.079.122</u>	<u>163.590.692</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI

Mẫu số B 09 – DN/HN

32 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

i) Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 5)

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Công ty TNHH Thaco Kia - Đà Nẵng	18.359.154	-
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất và Lắp Ráp Ghé Ôtô Việt - C.N.A	-	3.696.548
	<u> </u>	<u> </u>

ii) Các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 7)

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Công ty TNHH Thaco Kia - Đà Nẵng	1.636.002	-
Công ty TNHH MTV Trường Phú	1.880	-
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất và Lắp Ráp Ghé Ôtô Việt - C.N.A	-	1.220.466
	<u> </u>	<u> </u>
	1.637.882	1.220.466
	<u> </u>	<u> </u>

iii) Các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 19)

	2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng
Công ty TNHH Thaco Kia - Đà Nẵng	1.444	-
Công ty TNHH An Lạc	-	274.000
Công ty TNHH Phan Thiết Trường Hải	-	1.247.466
	<u> </u>	<u> </u>
	1.444	1.521.466
	<u> </u>	<u> </u>